

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XL
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XL, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Tiến**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Lương Khoa**.

2. Bà **Cao Thị Mận**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Thiêm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm** - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Duy C**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp S, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

* **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Ấp S, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

(Anh C, chị T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Duy C trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống với nhau được thời gian đầu hạnh phúc, sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã không còn sống chung từ tháng 5/2019. Từ đó, vợ chồng bỏ mặc nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2008, Nguyễn Gia B, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2012 và Nguyễn

Ngọc Gia H, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2014. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có lời khai.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XL tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự và thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Nguyễn Duy C đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T đã không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Duy C. Cho anh Nguyễn Duy C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T; Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2008, Nguyễn Gia B, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2012 và Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2014 cho anh Nguyễn Duy C trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Anh C trình bày không có tài sản chung, nợ chung, chị T không có lời trình bày nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Duy C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T, yêu cầu nuôi con chung, chị Nguyễn Thị Thanh T có nơi cư trú tại ấp S, xã Suối Cát, huyện XL, tỉnh Đồng Nai nên quan hệ pháp luật là: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Duy C có đơn xin vắng mặt, chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị anh C, chị T là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy C và chị Nguyễn Thị Thanh T tự

nguyên chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Duy C yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T do cuộc sống chung không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh C và chị T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Chị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lời khai, chứng tỏ chị T bỏ mặc, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Anh C, chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Duy C yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2008, cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2012 và cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2014. Xét thấy anh C có đủ điều kiện nuôi con, chị T không có ý kiến tranh chấp nuôi con, cháu L, cháu B và cháu H đều có nguyện vọng được sống với anh C nên giao các con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Duy C không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh T cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Duy C khai không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, chị Nguyễn Thị Thanh T không có lời khai nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Nguyễn Duy C khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, chị Nguyễn Thị Thanh T không có lời khai nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Duy C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35; Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Duy C.

1. Cho anh Nguyễn Duy C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2008, Nguyễn Gia B, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2012 và Nguyễn Ngọc Gia H sinh ngày 04 tháng 10 năm 2014 cho anh Nguyễn Duy C trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Duy C không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con của anh Nguyễn Duy C.

Khi cần thiết, anh Nguyễn Duy C và chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Duy C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh C đã nộp là theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006164 ngày 17/2/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XL, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành tiền án phí. Anh Nguyễn Duy C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Duy C và chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện XL;
- Chi cục THADS huyện XL;
- UBND xã SC;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Tiến